

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00032

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-16)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN	1		2	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222001	NGUYỄN THỊ THÚY AN	2		8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222055	LƯƠNG QUỐC ANH	1		3	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222073	TRẦN TUẤN ANH	2		5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222002	NGUYỄN BÙI NGỌC ANH				5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN				6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN				7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH				8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222062	VŨ THANH BÌNH	1		5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT				10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222005	HỒNG CHÍ CÔNG	1		7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222006	HÀ VĂN CƯƠNG	1		6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222007	HÀ TIẾN DŨNG	1		7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222008	PHẠM VĂN ĐOÀN	2		10	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222009	NGUYỄN THU HÀ				15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG				16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222011	LÂM VĂN HIẾU	1		2	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222066	ĐÀU ĐÌNH HIẾU	1		5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA				19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG				20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222014	PHẠM VĨNH HỘI	1		5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG				22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222058	NÔNG TRUNG KIÊN	1		4	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222016	CAO HỮU NHÂN KIẾT	1		2	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222017	NGÔ THỊ NGỌC LAN	1		5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222018	ĐỖ XUÂN LÂM	2		10	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222020	LÊ THỊ THÙY LINH	1		6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222019	MÃ THẾ LỢI	1		5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222021	NGUYỄN THỊ MAI				29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH				30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222063	LÊ THỊ THÙY MINH				31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222024	TẠ THỊ NHẬT MINH	2		7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 46 Số tờ: 61 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 25 tháng 10 năm 11

46

NGÔ MINH THÀNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00032

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-16)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10222025	MAI THỊ MỸ	2		9	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10222026	NGUYỄN ĐỨC MỸ	1		5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10222027	ĐÌNH QUANG NAM	1		5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10222028	TRẦN THỊ THU NGÂN	1		5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10222029	LẠI THỊ CHÂU NGỌC	2		6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10222057	PHẠM HỒNG NGUYÊN	1		5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10222030	NGUYỄN THỊ ĐANH				7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10222031	LÊ THỊ PHÍ	2		6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10222032	PHẠM VĂN PHÚC				9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10222033	DƯƠNG MINH PHƯƠNG	2		5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10222034	ĐƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG				12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG				13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10222037	VŨ NGỌC SINH	1		6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10222038	ĐÌNH MINH TÂM	3		8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10222068	PHẠM LINH TÂM	1		1	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10222065	PHẠM NGỌC THẠCH	1		6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10222039	NGUYỄN THANH THẢO				18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10222040	NGUYỄN THỊ THẨM	1		8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10222070	CAO VŨ THẮNG	1		7	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10222041	NGUYỄN VĂN THẮNG	2		7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10222042	TRẦN DUY THƯƠNG	1		7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN	1		3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10222059	PHẠM THỊ THUY TRANG				24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10222044	VŨ TRÍ TRANG	1		6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM	1		0	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRẦN				27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10222069	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	1		3	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	10222064	NGUYỄN TẤN TRỌNG	2		7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	10222047	NGUYỄN NGỌC THUY TRÚC	1		6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	10222056	TRẦN MINH TRUNG	2		6	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ				32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 46 Số tờ: 61 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 10 năm 11

NGUYỄN MINH TRÂM

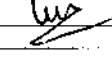
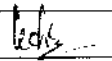
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-16)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
65	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN	1		2	1	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
66	10222049	MA VĂN TUYẾN	1		2	2	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
67	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ	2		3	3	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
68	10222050	HOÀNG MAI VÂN				4	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
69	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ	1		1	5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
70	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ				6	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
71	10222053	PHẦN THỊ THANH XUÂN				7	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						8	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						9	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						10	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						11	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						12	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						13	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						14	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						15	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						16	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						17	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						18	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						19	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						20	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						21	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						22	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						23	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						24	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						25	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						26	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						27	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						28	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						29	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						30	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						31	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						32	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Số bài: 46 Số tờ: 61 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 10 năm 11

[Signature]

[Signature] Hồ Ngọc Kỳ

[Signature] NGUYỄN VĂN TUẤN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN			7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222001	NGUYỄN THỊ THÚY AN			8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222055	LƯƠNG QUỐC ANH			6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222073	TRẦN TUẤN ANH			3	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222002	NGUYỄN BÙI NGỌC ANH			6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN			-	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN			-	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH			3	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222062	VŨ THANH BÌNH			3	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT			2	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222005	HỒNG CHÍ CÔNG			7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222006	HÀ VÂN CƯƠNG			6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222007	HÀ TIẾN DŨNG			8	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222008	PHẠM VĂN ĐOÀN			7	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222009	NGUYỄN THU HÀ			-	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG			-	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222011	LÂM VĂN HIẾU			5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222066	ĐÀU ĐÌNH HIỆU			7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA			-	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG			5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222014	PHẠM VĨNH HỘI			3	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			-	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222058	NÔNG TRUNG KIẾN			3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222016	CAO HỮU NHÂN KIẾT			2	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222017	NGÔ THỊ NGỌC LAN			1	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222018	ĐỖ XUÂN LÂM			5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222020	LÊ THỊ THÙY LINH			5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222019	MÃ THẾ LỢI			1	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222021	NGUYỄN THỊ MAI			-	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH			-	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222063	LÊ THỊ THÙY MINH			5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222024	TẠ THỊ NHẬT MINH			3	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 10 năm 11

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10222025	MAI THỊ MỸ			7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10222026	NGUYỄN ĐỨC MỸ			5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10222027	ĐÌNH QUANG NAM			5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10222028	TRẦN THỊ THU NGÂN			7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10222029	LẠI THỊ CHÂU NGỌC			8	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10222057	PHẠM HỒNG NGUYÊN			6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10222030	NGUYỄN THỊ OANH			-	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10222031	LÊ THỊ PHÍ			8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10222032	PHẠM VĂN PHÚC			-	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10222033	DƯƠNG MINH PHƯƠNG			8	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10222034	ĐƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG			-	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG			-	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG			-	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10222037	VŨ NGỌC SINH			8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10222038	ĐÌNH MINH TÂM			7	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10222068	PHẠM LINH TÂM			6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10222065	PHẠM NGỌC THẠCH			8	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10222039	NGUYỄN THANH THẢO			8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10222040	NGUYỄN THỊ THẨM			8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10222070	CAO VŨ THẮNG			5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10222041	NGUYỄN VĂN THẮNG			6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10222042	TRẦN DUY THƯƠNG			8	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN			3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10222059	PHẠM THỊ THÙY TRANG			-	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10222044	VŨ TRÍ TRANG			8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM			2	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRÂN			-	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10222069	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH			5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	10222064	NGUYỄN TẤN TRỌNG			7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	10222047	NGUYỄN NGỌC THÙY TRÚC			8	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	10222056	TRẦN MINH TRUNG			5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ			-	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 29 tháng 10 năm 11

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học Đường lối CM của Đảng CSVN (200104-21)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN			3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	10222049	MA VĂN TUYẾN			5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ			3	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	10222050	HOÀNG MAI VÂN			—	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ			3	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ			—	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN			—	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 29 tháng 10 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00031

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-23)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN			7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222001	NGUYỄN THỊ THÚY AN			7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222055	LƯƠNG QUỐC ANH			7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222073	TRẦN TUẤN ANH			7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222002	NGUYỄN BÙI NGỌC ÁNH			7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN			—	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN			—	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH			7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222062	VŨ THANH BÌNH			7	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT			2	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222005	HỒNG CHÍ CÔNG			8	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222006	HÀ VĂN CƯƠNG			7	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222007	HÀ TIẾN DŨNG			7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222008	PHẠM VĂN ĐOÀN			8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222009	NGUYỄN THU HÀ			—	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG			—	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222011	LÂM VĂN HIẾU			8	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222066	ĐẬU ĐÌNH HIỆU			6	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA			—	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG			7	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222014	PHẠM VINH HỘI			8	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			—	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222058	NÔNG TRUNG KIẾN			7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222016	CAO HỮU NHÂN KIẾT			7	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222017	NGÔ THỊ NGỌC LAN			7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222018	ĐỖ XUÂN LÂM			7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222020	LÊ THỊ THÙY LINH			8	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222019	MÃ THẾ LỢI			6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222021	NGUYỄN THỊ MAI			—	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH			—	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222063	LÊ THỊ THỦY MINH			7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222024	TẠ THỊ NHẬT MINH			8	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 55 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 30 tháng 10 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00031

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thú Đức)
Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-23)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên																		
33	10222025	MAI THỊ MỸ			8	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
34	10222026	NGUYỄN ĐỨC MỸ			8	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
35	10222027	ĐÌNH QUANG NAM			8	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
36	10222028	TRẦN THỊ THU NGÂN			8	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
37	10222029	LẠI THỊ CHÂU NGỌC			8	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
38	10222057	PHẠM HỒNG NGUYỄN			8	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
39	10222030	NGUYỄN THỊ OANH			1	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
40	10222031	LÊ THỊ PHÍ			8	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
41	10222032	PHẠM VĂN PHÚC			1	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
42	10222033	DƯƠNG MINH PHƯƠNG			8	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
43	10222034	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG			1	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
44	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG			1	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
45	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG			1	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
46	10222037	VŨ NGỌC SINH			8	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
47	10222038	ĐÌNH MINH TÂM			8	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
48	10222068	PHẠM LINH TÂM			8	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
49	10222065	PHẠM NGỌC THẠCH			8	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
50	10222039	NGUYỄN THANH THẢO			8	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
51	10222040	NGUYỄN THỊ THẨM			7	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
52	10222070	CAO VŨ THẮNG			8	20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
53	10222041	NGUYỄN VĂN THẮNG			8	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
54	10222042	TRẦN DUY THƯƠNG			8	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
55	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN			7	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
56	10222059	PHẠM THỊ THÙY TRANG			1	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
57	10222044	VŨ TRÍ TRANG			8	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
58	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM			7	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
59	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRẦN			1	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
60	10222069	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH			8	28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
61	10222064	NGUYỄN TẤN TRỌNG			8	29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
62	10222047	NGUYỄN NGỌC THÙY TRÚC			8	30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
63	10222056	TRẦN MINH TRUNG			8	31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
64	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ			1	32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						

Số bài: 52 Số tờ: 55 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 30 tháng 10 năm 11

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-23)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên															
65	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN			7	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
66	10222049	MA VĂN TUYẾN			8	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
67	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ			7	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
68	10222050	HOÀNG MAI VÂN		V	—	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
69	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ			7	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
70	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ			7	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
71	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN		V	—	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
8							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
9							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
10							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
11							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
12							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
13							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
14							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
15							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
16							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
17							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
18							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
19							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
20							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
21							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
22							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
23							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
24							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
25							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
26							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
27							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
28							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
29							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
30							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
31							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
32							V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			

Số bài: 52 Số tờ: 55 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 30 tháng 10 năm 11

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 2** (213602-33)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN			5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222001	NGUYỄN THỊ THÚY AN			8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222055	LƯƠNG QUỐC ANH			6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222073	TRẦN TUẤN ANH			7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222002	NGUYỄN BÙI NGỌC ANH			5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH			7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222062	VŨ THANH BÌNH			3	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT			7	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222005	HỒNG CHÍ CÔNG			6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222006	HÀ VĂN CƯƠNG			5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222007	HÀ TIẾN DŨNG			7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222008	PHẠM VĂN ĐOÀN			7	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222009	NGUYỄN THU HÀ			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG			✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222011	LÂM VĂN HIẾU			7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222066	ĐÀU ĐÌNH HIỆU			5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA			✓	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG			2	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222014	PHẠM VĨNH HỘI			6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			✓	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222058	NÔNG TRUNG KIÊN			5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222016	CAO HỮU NHÂN KIẾT			6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222017	NGÔ THỊ NGỌC LAN			8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222018	ĐỖ XUÂN LÂM			6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222020	LÊ THỊ THÙY LINH			6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222019	MÃ THẾ LỢI			5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222021	NGUYỄN THỊ MAI			✓	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH			✓	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222063	LÊ THỊ THÙY MINH			6	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222024	TẠ THỊ NHẬT MINH			7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 27 tháng 10 năm 11

Trần Thị Thúy An Dương Mỹ Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTDD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 2** (213602-33)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10222025	MAI THỊ MỸ			7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10222026	NGUYỄN ĐỨC MỸ			5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10222027	ĐÌNH QUANG NAM			5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10222028	TRẦN THỊ THU NGÂN			7	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10222029	LAI THỊ CHÂU NGỌC			9	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10222057	PHẠM HỒNG NGUYỄN			5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10222030	NGUYỄN THỊ OANH			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10222031	LÊ THỊ PHÍ			8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10222032	PHẠM VĂN PHÚC			✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10222033	DƯƠNG MINH PHƯƠNG			6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10222034	ĐƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG			✓	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG			✓	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10222037	VŨ NGỌC SINH			6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10222038	ĐÌNH MINH TÂM			7	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10222068	PHẠM LINH TÂM			6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10222065	PHẠM NGỌC THẠCH			5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10222039	NGUYỄN THANH THẢO			7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10222040	NGUYỄN THỊ THẨM			7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10222070	CAO VŨ THẮNG			5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10222041	NGUYỄN VĂN THẮNG			7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10222042	TRẦN DUY THƯƠNG			6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN			7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10222059	PHẠM THỊ THÙY TRANG			✓	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10222044	VŨ TRÍ TRANG			8	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM			6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRÂN			✓	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10222069	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH			8	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	10222064	NGUYỄN TẤN TRỌNG			8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	10222047	NGUYỄN NGỌC THÙY TRÚC			8	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	10222056	TRẦN MINH TRUNG			8	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ			✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 27 tháng 10 năm 11

ThS. Tạ Mỹ Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 2** (213602-33)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
65	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN			2	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
66	10222049	MA VĂN TUYẾN			5	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
67	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ			5	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
68	10222050	HOÀNG MAI VÂN			V	4	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
69	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ			5	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
70	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ			V	6	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
71	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN			V	7	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8						8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9						9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10						10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11						11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12						12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13						13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14						14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15						15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16						16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17						17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 52 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 27 tháng 10 năm 11

ThS. Tạ Mỹ Nga Dương Lý Thâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00033

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học Xã hội học đại cương (202621-13)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10222054	ĐẶNG TRƯỜNG AN			01	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10222001	NGUYỄN THỊ THÚY AN			9	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10222055	LƯƠNG QUỐC ANH			9	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10222073	TRẦN TUẤN ANH			5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10222002	NGUYỄN BÙI NGỌC ANH			9	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10222061	NGUYỄN HOÀNG AN			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10222071	NGUYỄN HÙNG THIÊN AN			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10222003	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH			9	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10222062	VŨ THANH BÌNH			8	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10222004	NGUYỄN THÀNH CÁT			3	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10222005	HỒNG CHÍ CÔNG			8	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10222006	HÀ VĂN CƯƠNG			8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10222007	HÀ TIẾN DŨNG			9	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10222008	PHẠM VĂN ĐOÀN			9	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10222009	NGUYỄN THU HÀ			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10222010	TRẦN THỊ LỆ HẠNG			✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10222011	LÂM VĂN HIẾU			6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10222066	ĐẬU ĐÌNH HIỆU			9	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10222012	TRẦN THỊ THÁI HÒA			✓	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10222013	NGUYỄN VĂN HOÀNG			8	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10222014	PHẠM VĂN HỘI			9	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10222015	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			✓	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10222058	NÔNG TRUNG KIẾN			8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10222016	CAO HỮU NHÂN KIẾT			5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10222017	NGÔ THỊ NGỌC LAN			6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10222018	ĐỖ XUÂN LÂM			7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10222020	LÊ THỊ THÙY LINH			9	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10222019	MÃ THẾ LỢI			5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10222021	NGUYỄN THỊ MAI			✓	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10222022	PHẠM ĐỨC MẠNH			✓	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10222063	LÊ THỊ THỦY MINH			4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10222024	TẠ THỊ NHẬT MINH			✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 62 Số tờ: 75 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 30 tháng 10 năm 2011

Th.S. Võ Văn Việt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00033

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học Xã hội học đại cương (202621-13)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10222025	MAI THỊ MỸ			9	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10222026	NGUYỄN ĐỨC MỸ			9	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	10222027	ĐÌNH QUANG NAM			5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10222028	TRẦN THỊ THU NGÂN			9	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10222029	LẠI THỊ CHÂU NGỌC			9	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10222057	PHẠM HỒNG NGUYỄN			7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10222030	NGUYỄN THỊ OANH			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10222031	LÊ THỊ PHÍ			9	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10222032	PHẠM VĂN PHÚC			✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	10222033	DƯƠNG MINH PHƯƠNG			✓	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10222034	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG			7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	10222035	PHẠM TRÚC PHƯƠNG			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	10222036	TRẦN HUY PHƯƠNG			✓	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10222037	VŨ NGỌC SINH			8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	10222038	ĐÌNH MINH TÂM			7	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	10222068	PHẠM LINH TÂM			7	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	10222065	PHẠM NGỌC THẠCH			9	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10222039	NGUYỄN THANH THẢO			4	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	10222040	NGUYỄN THỊ THẨM			8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	10222070	CAO VŨ THẮNG			7	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	10222041	NGUYỄN VĂN THẮNG			4	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	10222042	TRẦN DUY THƯƠNG			9	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	10222043	PHẠM NGUYỄN TOÀN			7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	10222059	PHẠM THỊ THUY TRANG			✓	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	10222044	VŨ TRÍ TRANG			9	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10222045	NGUYỄN HỒ NGỌC TRÂM			4	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10222046	TRẦN THỊ BẢO TRÂN			✓	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	10222069	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH			7	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	10222064	NGUYỄN TẤN TRỌNG			7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	10222047	NGUYỄN NGỌC THÙY TRÚC			9	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	10222056	TRẦN MINH TRUNG			4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	10222060	LƯƠNG HỮU TÚ			✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 75 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 30 tháng 10 năm 11

Th.S. Trần Huy Phạm

Th.S. Vũ Văn Việt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Lớp: TC10QTĐD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học Xã hội học đại cương (202621-13)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	10222048	NGUYỄN VĂN TUẤN			7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	10222049	MA VĂN TUYẾN			8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	10222072	TRƯƠNG VĂN TỬ			7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	10222050	HOÀNG MAI VÂN			✓	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	10222051	LÊ ĐÌNH VŨ			6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	10222052	NGUYỄN ĐẠI VŨ			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	10222053	PHAN THỊ THANH XUÂN			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 52 Số tờ: 75 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 30 tháng 10 năm 11

Th.S. Võ Văn Việt